

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: **941** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày **05** tháng **5** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng
vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 4/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/QĐ-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;



Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 07/1/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng tỉnh Bình Phước đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 72/TTr-SXD ngày 25/4/2025 (kèm Báo cáo kết quả thẩm định số 45/BCTĐ-SXD ngày 25/4/2025 của Sở Xây dựng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi và giai đoạn quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Riềng, diện tích 67.376,42ha. Có tứ cận như sau:
 - + Phía Bắc: giáp thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước;
 - + Phía Nam: giáp huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;
 - + Phía Đông: giáp huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;
 - + Phía Tây: giáp huyện Hớn Quản và Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Giai đoạn lập quy hoạch: đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050.

2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch vùng

a) Tính chất

- Là vùng phát triển phía Đông của tỉnh Bình Phước với trục động lực chính là Đồng Xoài - Bù Gia Mập. Là vùng đệm cho tam giác phát triển Đồng Xoài - Đồng Phú - Chơn Thành.
- Là vùng phát triển công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi theo mô hình công nghiệp khép kín. Phát triển đô thị, thương mại dịch vụ - du lịch; đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước.
- Là đầu mối giao thông quan trọng kết nối với các huyện trong tỉnh và các khu vực ngoài tỉnh.

b) Mục tiêu

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước, Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.



- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Phân bố không gian xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn... trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình, kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

3. Động lực phát triển vùng

- Phát triển công nghiệp, trong đó chế biến chuyên sâu nông lâm sản (mủ cao su, giày da, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ...), các sản phẩm công nghiệp có tính cạnh tranh.

- Phát triển đô thị dịch vụ và dịch vụ vận tải, phát triển làng nghề thủ công.

- Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hướng đến phát triển bền vững gắn liền với thị trường tiêu thụ.

- Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái.

4. Dự báo dân số, đất đai, lao động, tỷ lệ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng đất

a) Dự báo quy mô dân số

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2040: Khoảng 147.500-151.500 người.

- Dự báo quy mô dân số đến năm 2050: Khoảng 169.500-173.500 người.

Bảng 1: Bảng dự báo phát triển dân số

STT	Hạng mục	Hiện trạng	Dự báo đến năm		
		2023	2030	2040	2050
	Tổng dân số kể cả các thành phần dân số khác (người)	94.933	118.500	147.500	169.500
			122.500	151.500	173.500
1	Tổng dân số (người)	94.933	113.000	137.500	156.000
			117.000	141.500	160.000
-	Tỷ lệ tăng trung bình, %/năm	1,01	2,52	1,98	1,27
	+ Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	1,1	1,1	1,1	1,0

	+ Tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư, %/năm	-0,1	1,42	0,88	0,27
2	Dân số đô thị (người)	15.653	46.000	62.000	71.400
			50.000	66.000	75.400
-	Dân số nội thị gia tăng do tăng tự nhiên		1.246	5.780	6.905
-	Dân số nội thị gia tăng do đô thị hóa các khu vực dân cư hiện hữu		13.002	3.235	3.892
-	Dân số nội thị gia tăng do nhập cư		20.099	6.984	- 1.397
2.3.	Tỷ lệ tăng dân số nội thị trung bình, %/năm	0,8	18,0	2,8	1,3
	+ Tỷ lệ tăng tự nhiên, %/năm	1,10	1,1	1,1	1
	+ Tỷ lệ tăng dân số do đô thị hóa, %/năm	- 0,2	6,39	0,49	0,54
	+ Tỷ lệ tăng cơ học do nhập cư, %/năm	- 0,1	10,56	1,23	- 0,20
3	Dân số khác (Sinh viên nội trú, lực lượng vũ trang, khách vắng lai = 5%-10% dân số chính thức)		5.500	10.000	13.500

b) Dự báo quy mô và thành phần lao động

- Tính đến 12/2023, tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn huyện Phú Riềng khoảng 70.530 người.

- Dự báo đến năm 2030: Tổng số lao động huyện Phú Riềng khoảng 77.000 người.

- Dự báo đến năm 2040: Tổng số lao động huyện Phú Riềng khoảng 100.000 người.

- Dự báo đến năm 2050: Tổng số lao động huyện Phú Riềng khoảng 119.000 người.

- Cơ cấu lao động có xu hướng tăng dần tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ và giảm dần tỷ trọng trong ngành nông, lâm, thủy sản.



Bảng 2: Bảng dự báo thành phần lao động huyện Phú Riềng

STT	Danh Mục	Hiện trạng	Dự báo		
			2030	2040	2050
I	Dân số	94.933	118.500	147.500	169.500
			122.500	151.500	173.500
II	Lao động trong độ tuổi (chỉ tính lao động thường trú)	70.530	77.000	100.000	119.000
III	Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế	61.177	70.800	95.000	113.000
-	Tỉ lệ so với dân số		58-60%	63-64%	65-67%
-	Phân theo lĩnh vực kinh tế:				
3.1	Lao động nông, lâm nghiệp, thủy sản	33.464	35.400	44.650	48.590
	- Tỷ lệ % so lao động làm việc	54,70	50,0	47,0	43,0
3.2	Lao động công nghiệp – xây dựng	11.991	16.284	23.750	31.640
	- Tỷ lệ % so lao động làm việc	19,6	23,0	25,0	28,0
3.3	Lao động thương mại dịch vụ (1.000 người)	15.722	19.116	26.600	32.770
	- Tỷ lệ % so lao động làm việc	25,7	27,0	28,0	29,0

c) Dự báo phát triển đô thị

- Đến năm 2030 gồm 02 đô thị loại V: Đô thị Phú Riềng là trung tâm đô thị thương mại - dịch vụ, công nghiệp và là đô thị đầu mối giao thông của huyện; đô thị Bù Nho là trung tâm hành chính, kinh tế - văn hóa, dịch vụ - thương mại và giáo dục của huyện Phú Riềng.

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030: khoảng 31,1%.

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2040: khoảng 42,03 - 48%.

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050: khoảng 42,12 - 48,33%.

d) Dự báo nhu cầu đất xây dựng

- Đến năm 2030: dự báo đất xây dựng toàn huyện khoảng 4.698 - 4.998ha.

- Đến năm 2040: dự báo đất xây dựng toàn huyện khoảng 5.762 - 5.802ha.

- Đến năm 2050: dự báo đất xây dựng toàn huyện khoảng 6.461 - 6.529ha.

Bảng 3: Bảng dự báo nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn toàn huyện

STT	Danh mục	Dân số (người)				Đất xây dựng (ha)			
		Hiện trạng	Dự báo			2023	2030	2040	2050
			2023	2030	2040				
	Toàn Huyện	94.933	118.500	147.500	169.500	4117,6	4.698	5.762	6.461
			122.500	151.500	173.500		4.998	5.802	6.529
1	Long Bình	8.966	9.700	11.500	13.000	729,0	776	909	1.021
2	Bình Tân	7.621	8.300	9.900	11.200	204,2	216	252	280
3	Bình Sơn	4.150	4.600	5.600	6.500	97,1	106	126	143
4	Long Hưng	8.823	9.900	11.900	14.100	266,7	292	345	402
5	Phước Tân	7.864	8.400	9.400	10.600	1.344,4	1.428	1.589	1.781
6	Bù Nho	12.875	26.000	36.000	41.000	410,1	700	1.000	1.080
			30.000	40.000	45.000		1.000	1.040	1.148
7	Long Hà	15.694	17.400	20.600	23.600	301,5	322	371	413
8	Long Tân	8.855	9.600	11.400	13.200	273,2	283	331	370
9	Phú Trung	4.432	4.600	5.200	5.900	170,0	170	190	212
10	Phú Riêng	15.653	20.000	26.000	30.400	321,4	405	650	760

5. Tổ chức phân vùng

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, định hướng phát triển không gian vùng theo 04 phân vùng chính:

- Phân vùng phát triển công nghiệp (PV1)
- Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Tây Bắc (PV2)
- Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Đông Bắc (PV3)
- Phân vùng phát triển khu hành chính trung tâm (PV4).

Bảng 4: Bảng phân vùng kiểm soát phát triển

STT	Phân vùng	Diện tích (ha)	Tính chất
1	Phân vùng phát triển công nghiệp (PV1)	16.838,2	Nằm ở phía Tây Nam huyện Phú Riềng. Thuộc địa phận các xã Long Hà, xã Long Tân. Là khu vực phát triển công nghiệp và nông nghiệp, du lịch của huyện gắn với ĐT.757 kết nối với QL.13B, cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư.
2	Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Tây Bắc (PV2):	413.882,95	Nằm ở phía Tây Bắc huyện Phú Riềng. Thuộc địa phận các xã Long Bình, Bình Sơn, Long Hưng, Bình Tân. Hiện trạng là các khu vực nông thôn và vùng trồng cây lâu năm (cây cao su và cây điều). Trong tương lai phát triển các tuyến đường liên xã kết nối với hệ thống đường huyện tạo thuận lợi cho phát triển du lịch và lưu thông hàng hóa.
3	Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Đông Bắc (PV3)	20.557,75	Nằm ở phía Đông Bắc của huyện Phú Riềng. Thuộc địa phận các xã Phước Tân, Phú Trung, một phần đô thị Phú Riềng. Hiện trạng là các khu vực nông thôn và vùng trồng cây lâu năm (cây cao su và cây điều).
4	Phân vùng phát triển khu hành chính trung tâm (PV4)	8.470,63	Nằm ở phía Nam của huyện Phú Riềng. Thuộc địa phận đô thị Bù Nho và một phần đô thị Phú Riềng. Là vùng phát triển đô thị Bù Nho - đô thị huyện lỵ của huyện Phú Riềng, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện và đô thị Phú Riềng gắn với Khu công nghiệp Phú Riềng, Cụm công nghiệp Phú Riềng.

6. Định hướng không gian phát triển kinh tế vùng

a) Định hướng phát triển không gian công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Phát triển các khu công nghiệp:

+ Khu công nghiệp Phú Riềng với quy mô khoảng 493ha thuộc xã Phú Riềng (khoảng 159 -ha) và xã Thuận Lợi - huyện Đồng Phú (khoảng 334ha).

+ Khu công nghiệp Long Tân, quy mô khoảng 283ha tại xã Long Tân.

+ Khu công nghiệp Long Hà, quy mô khoảng 524ha tại xã Long Hà.

- Phát triển các cụm công nghiệp:



- + Cụm công nghiệp Phú Riềng, quy mô 75ha tại xã Phú Riềng;
- + Cụm công nghiệp Bù Nho 1, quy mô khoảng 50ha tại xã Bù Nho;
- + Cụm công nghiệp Bù Nho, quy mô khoảng 75ha tại xã Bù Nho.

b) Định hướng phát triển không gian thương mại, dịch vụ

- Không gian phát triển thương mại, dịch vụ chủ yếu dọc theo các trục tăng trưởng và các trục hỗ trợ phát triển kinh tế.

- Hệ thống thương mại, dịch vụ vùng huyện gồm các chợ đô thị, nông thôn (truyền thống), các chợ đầu mối và các trung tâm thương mại. Các đơn vị hành chính được bố trí chợ đô thị hoặc nông thôn.

c) Định hướng phát triển không gian du lịch: Du lịch sinh thái gắn với cảnh quan tự nhiên các hồ; du lịch cộng đồng gắn với văn hóa, lễ hội, bản sắc các dân tộc và hệ thống các di tích trên địa bàn huyện. Xây dựng các điểm du lịch sinh thái, kết hợp làng nghề truyền thống, du lịch vườn đồi tại các xã. Tổ chức các hình thức du lịch khám phá, trải nghiệm, du lịch sinh thái cảnh quan tại khu vực các xã Phước Tân, Long Hưng, Bình Tân, Long Bình và Bình Sơn.

d) Định hướng phát triển không gian nông nghiệp

- Vùng 1 (bao gồm các xã Long Hưng, Bình Tân, Long Bình và Bình Sơn): Là vùng có địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi cho phát triển cây ăn trái.

- Vùng 2 (bao gồm các xã Phước Tân, xã Phú Trung và một phần các xã Long Hà, Long Tân, Bình Sơn, Long Bình): Là vùng phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, chuyên canh như: rau, củ, sản phẩm chăn nuôi... Phát triển các cây trồng đặc thù (cao su, điều, tiêu, cà phê...). Phát triển vùng chăn nuôi tập trung hình thức trang trại có quy mô lớn, chủ yếu tập trung ở xã Long Tân, xã Long Hà.

7. Định hướng không gian phát triển đô thị và nông thôn

a) Định hướng không gian phát triển đô thị

- Huyện Phú Riềng hình thành 02 đô thị mới gồm Bù Nho, Phú Riềng.

- Giai đoạn 2030: Đến năm 2025 hoàn thành nâng cấp xã Bù Nho thành thị trấn Bù Nho; đến năm 2030 hoàn thành nâng cấp xã Phú Riềng thành thị trấn Phú Riềng.

- Đến năm 2040: Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V còn thiếu của thị trấn Bù Nho, Phú Riềng.

b) Định hướng không gian phát triển nông thôn

- Huyện Phú Riềng bao gồm 08 xã: Long Bình, Bình Tân, Bình Sơn, Long Hưng, Phước Tân, Long Hà, Long Tân, Phú Trung.

- Mô hình xã nông thôn vùng trung tâm, cận vùng đô thị: Hình thành các khu trung tâm xã (trụ sở, trung tâm thương mại, trường học, công viên, công trình



TĐTT, y tế, văn hóa...), cụm thôn, cụm dân cư tập trung theo các hệ thống giao thông.

- Mô hình xã nông thôn: Động lực phát triển và ngành nghề chính là kinh tế vườn, đặc biệt là các loại cây ăn quả, cây điều, cao su... Không gian quy hoạch kết hợp giữa phát triển tập trung với phân tán; các khu vực dân cư tập trung theo tuyến, cụm. Quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống các công trình phục vụ sản xuất (khu bảo quản sau thu hoạch và chế biến, khu giới thiệu sản phẩm, trạm khuyến nông...). Xây dựng hệ thống hạ tầng nông thôn đồng bộ theo các tiêu chí nông thôn mới.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

a) Hệ thống hạ tầng hành chính

- Cấp huyện: Hoàn thiện trung tâm chính trị, hành chính huyện Phú Riềng tại khu vực quy hoạch đô thị Bù Nho; xây dựng mới các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng; xây dựng mới các công trình quản trị cấp huyện về hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, điện, nước...

- Cấp xã (thị trấn): Tiếp tục sử dụng trụ sở các UBND xã hiện trạng; quy hoạch, xây dựng mới các công trình trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND... cho các đô thị mới hình thành trong tương lai.

b) Hệ thống hạ tầng giáo dục

- Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông chất lượng cao, kết hợp xây dựng mới và cải tạo chỉnh trang các cơ sở hiện hữu. Hoàn thiện, phân đầu các cơ sở giáo dục trên địa bàn 100% đạt chuẩn Quốc gia.

- Quy hoạch mới vị trí, quy mô diện tích các trường sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị.

c) Hệ thống hạ tầng y tế

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị y tế, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương.

- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Phú Riềng với quy mô từ 50 đến 100 giường bệnh.

- Khuyến khích phát triển các bệnh viện, phòng khám tư nhân để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân trong khu vực, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển hệ thống y tế tư nhân.

d) Hệ thống hạ tầng văn hóa, thể thao

- Cấp huyện: Xây dựng mới khu trung tâm văn hóa, hội nghị, sự kiện cấp huyện phục vụ việc tổ chức hội nghị, các sự kiện lớn, vui chơi giải trí; quy hoạch, xây dựng khu liên hợp thể thao của huyện gắn với Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao. Quy hoạch khu công viên cây xanh cấp huyện. Phát triển các nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng.

- Cấp xã (thị trấn): Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, ấp đạt chuẩn theo quy định. Bố trí quỹ đất thể thao để đảm bảo các đơn vị hành chính cấp xã có đủ đất xây dựng 01 sân thể thao.

9. Định hướng các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan

- Khi triển khai quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết cần lưu ý các giải pháp quy hoạch để bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan kiến trúc truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện. Bảo tồn các công trình di tích lịch sử có giá trị, làng văn hóa truyền thống.

- Phát triển không gian đô thị dựa trên nguyên tắc bảo tồn các di tích lịch sử, không gian văn hóa làng xóm, không gian mặt nước và hành lang bảo vệ thoát lũ của các tuyến sông, hồ.

10. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển giao thông

* *Đường giao thông*: Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối từ các tuyến quốc lộ đến các khu vực trọng điểm của huyện, của tỉnh; kết nối đến các tuyến đường khu, cụm công nghiệp; các đô thị mới... Hệ thống đường tỉnh kết hợp với các tuyến quốc lộ cải tạo và quy hoạch mới tạo nên mạng lưới đường bộ đối ngoại hoàn chỉnh, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa đô thị với nông thôn. Các đoạn tuyến đi qua đô thị, quy khu vực trung tâm xã xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Cụ thể:

- QL.13B nâng cấp từ ĐT.741: Tuyến đường theo hướng Bắc - Nam chạy qua trung tâm huyện kết nối thành phố Đồng Xoài với thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 21km, đạt tiêu chuẩn đường cấp II, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.759: Tuyến đường phía Đông huyện chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối từ QL.14 đến huyện Bù Gia Mập. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.757: Tuyến đường chạy theo hướng Đông - Tây kết nối từ xã Bù Nho đến xã Thanh An. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 27,98 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.757B (Long Hà - Tân Thành): Tuyến đường chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối từ ĐT.757 đến ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.753B (Phú Riềng - Bù Na - Nam Cát Tiên): Tuyến đường được nâng cấp từ ĐH.312 kết nối trung tâm Phú Riềng và QL.14; đoạn tuyến ĐT.753B xây dựng mới theo hướng Tây từ trung tâm Phú Riềng kết nối với ĐT. Tân Hưng - Long Tân. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện Phú Riềng có chiều dài khoảng 31,9 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.



- ĐT.754: Tuyến đường kết nối từ Ngã Ba Đồng Tâm (QL.13) - thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16,5km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Bù Nho - Đa Kia: Tuyến đường kết nối Bù Nho - Đa Kia. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Long Tân - Tân Hưng: Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Long Tân - Minh Lập: Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Minh Lập - Bù Nho: Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 13 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐH. Long Hưng - Phước Bình: Chạy theo hướng Đông - Tây kết nối từ ĐT.757B đến thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến dài khoảng 16,5km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Phú Riềng - Phước Tín: Chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối ĐT.753B và ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 14,7 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Thác Bà - Phước Tín: Chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối ĐT.759 đến xã Phước Tín. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 6,08 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Hiếu Bình - Phước Quả: Kết nối ĐT.741 và ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 9,09 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- Xây dựng các tuyến đường huyện mới đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, quy mô 02 làn xe, cụ thể:

+ ĐH. Bình Tân - Thác Bà: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 4,85 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Phước Tân: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 10,06 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bình Tân - Phước Tân: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 11,03 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Bình - ĐaKia: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 20,8 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Hưng - ĐaKia: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 9,15 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Long Tân: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 7,52 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Phú Riềng: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 3,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Hà - Long Tân: Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 17,26 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ Xây dựng đường tránh Trung tâm xã Phú Riềng có chiều dài khoảng 6,85 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m

+ Xây dựng mới các trục kết nối Bắc - Nam, Đông - Tây kết nối các khu vực trong huyện đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, quy mô 02 làn xe.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn:

+ Đường giao thông nông thôn bao gồm hệ thống đường huyện và đường xã, liên xã (không tính đường thôn, xóm). Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Bình Phước. Mở thêm các tuyến giao thông nông thôn ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030 đảm bảo 100% giao thông nông thôn được cứng hóa. Hệ thống đường huyện tối thiểu đạt cấp IV, quy mô 02 làn xe. Đường xã, liên xã tối thiểu đạt loại A tiêu chuẩn giao thông nông thôn.

+ Hệ thống cầu cống trên các tuyến đường huyện, đường xã được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp hạng đường quy hoạch.

- Hệ thống giao thông đô thị:

+ Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

+ Quy hoạch xây mới, cải tạo mở rộng các tuyến kết nối hệ thống đường trục Đông - Tây, Bắc - Nam ở trung tâm đô thị. Xây dựng các trục giao thông đối ngoại, các trục chính đô thị, mạng lưới đường gom và đường nội bộ.

+ Đầu tư xây dựng các trục đường công nghiệp theo quy hoạch được đảm bảo kết nối tốt với mạng lưới giao thông của huyện.

+ Xây dựng mới và cải tạo các nút giao thông, trong đó các nút giao thông chính được lắp đèn tín hiệu điều khiển giao thông.

** Công trình phục vụ giao thông:*

- Xây dựng bến xe Phú Riềng kết hợp trạm dừng nghỉ (nằm trên đường ĐT.741 thuộc xã Bù Nho): Phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh, nội tỉnh. Bến xe đạt tiêu chuẩn loại V.

- Các cầu xây mới đạt tiêu chuẩn về tải trọng HL93.

b) Định hướng quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

** Định hướng quy hoạch cao độ nền:*

- Cao độ xây dựng khu vực dân cư hiện hữu và các dự án đã được phê duyệt hoặc đang triển khai trên địa bàn: Vẫn giữ nguyên cao độ theo thiết kế (nếu vẫn còn phù hợp).

- Cao độ các khu vực xây dựng ven sông suối, hồ đập thì cao độ xây dựng xác định như sau: $H_{xd} (\text{cao độ xây dựng}) \geq \text{Mức nước lớn nhất (trong nhiều năm)} + a$ (hệ số an toàn $a = 0,5m \div 1,0m$).

- Cao độ xây dựng các khu vực còn lại chủ yếu có nền địa hình cao và dốc thoải thì cao độ xây dựng bám sát theo nền địa hình tự nhiên, chỉ san gạt nhẹ tạo mặt bằng xây dựng nhằm đảm bảo an toàn cân bằng đào đắp tại chỗ.

** Định hướng quy hoạch thoát nước mặt:*

- Trục tiêu: Việc tiêu thoát nước vùng huyện Phú Riềng phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống sông, suối tự nhiên và hồ đập điều tiết nước. Như sông Bé, các suối phụ lưu sông Bé: suối Rạt, suối Mum, Đắc Đam, suối Dơi... và hơn 20 hồ bầu trữ nước.

- Hệ thống: Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải.

- Mạng lưới: Sử dụng cống tròn hoặc rãnh thoát nước mưa dọc theo các trục giao thông trên địa bàn khu vực xây dựng đô thị tập trung hoặc khu dân cư, sử dụng mương đón nước từ sườn đồi xuống khu vực xây dựng dưới chân đồi (phòng chống úng ngập cho khu vực xây dựng).

- Hướng thoát: Theo mạng lưới đường cống, ra các suối, hồ, bầu bung... gần nhất.

- Lưu vực: Toàn đô thị được chia làm 04 lưu vực thoát nước chính cụ thể như sau:

+ Lưu vực 1: gồm toàn bộ các xã thuộc vùng Tây Bắc huyện (như xã Long Bình, Bình Sơn, Bình Tân, Long Hưng, Long Hà) hướng thoát về các hồ, suối nhỏ gần nhất là phụ lưu của sông Bé (suối Dơi, suối Rạt, Đắc Đam...) để ra sông Bé.

+ Lưu vực 2: gồm toàn bộ khu vực đô thị Phú Riềng và vùng lân cận như xã Long Tân, Bù Nho và một phần xã Phước Tân, hướng thoát về các hồ, suối Rạt, suối Đê để ra sông Bé.

+ Lưu vực 3: gồm toàn bộ phía Đông Bắc xã Phước Tân (quanh hồ Thác Mơ), hướng thoát về hồ Thác Mơ và cũng dẫn ra sông Bé tại thị xã Phước Long.

+ Lưu vực 4: gồm một phần diện tích đô thị Phú Riềng và xã Phú Trung, thoát về suối Băng và suối Tung để dẫn ra sông Băng phía Nam huyện tại huyện Đồng Phú.

c) Định hướng quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu nước sinh hoạt đô thị, nông thôn và công nghiệp toàn huyện đến 2040: $41.000 - 43.000 m^3/\text{ngày.đêm}$.

- Các công trình cấp nước đầu mối cấp vùng:

+ Nhà máy nước Đồng Xoài (hiện có) vị trí tại xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, công suất $30.000 m^3/\text{ngày.đêm}$ đảm bảo cung cấp cho khu vực phía Nam, đô thị Phú Riềng, đô thị Bù Nho và bổ sung nguồn cho các khu vực trong Huyện.



+ Nhà máy nước Phước Long (hiện có) đề xuất tăng công suất lên $61.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, cấp nước cho khu vực phía Bắc huyện và bổ sung nguồn cho các khu vực trong huyện.

- Các công trình cấp nước đầu mối cấp huyện:

+ Nhà máy nước Chi nhánh cấp nước Phú Riềng - Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng thuộc khu vực đô thị Phú Riềng công suất $1.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ bổ sung nguồn cho khu vực trung tâm huyện và phụ cận.

+ Nhà máy nước Long Hà dự kiến cải tạo tiếp tục sử dụng cấp nước khu vực xã Long Hà, khu vực phía Tây huyện và bổ sung nguồn cho đô thị Bù Nho. Nhà máy nước Long Tân dự kiến cải tạo tiếp tục sử dụng cấp nước khu vực xã Long Tân (tùy thuộc vào nhu cầu thực tế theo các giai đoạn và tiến độ đầu tư hạ tầng liên vùng, công suất các trạm cục bộ này có thể điều chỉnh tăng công suất để đảm bảo cấp nước giai đoạn đầu). Giai đoạn dài hạn, cải tạo trạm tăng áp khu vực phía Tây Nam huyện.

+ Các công trình cấp nước phân tán khác: Giai đoạn ngắn hạn cải tạo và nâng cấp đảm bảo cấp nước cho các khu vực xã và liên xã. Giai đoạn dài hạn sử dụng nguồn từ các nhà máy nước tập trung, các trạm ngắn hạn cải tạo thành trạm tăng áp khu vực.

d) Định hướng quy hoạch cấp điện

- Tổng phụ tải điện tính toán đến năm 2040: 207-209MW, tương đương 177-179 MVA (với hệ số đồng thời 0,7 và hệ số công suất 0,9 và dự phòng 10%).

- Nguồn điện: Tuân thủ theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 và theo định hướng phát triển của huyện đến 2040 tầm nhìn 2050 và tuân thủ theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước trong Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, nguồn điện cấp cho khu vực được cấp từ các công trình đầu mối sau:

+ Trạm 220kV Phước Long công suất 2x250 MVA (theo Quy hoạch điện lực dự kiến tương lai nâng cấp công suất 3x250 MVA).

+ Trạm 110kV Phước Long công suất 2x63 MVA (theo Quy hoạch điện lực có điều chỉnh công suất phù hợp giai đoạn dài hạn) cấp điện khu vực phía Bắc và thị xã Phước Long.

+ Trạm 110kV Phú Riềng công suất 2x63 MVA (theo dự án và Quy hoạch điện lực có điều chỉnh công suất phù hợp giai đoạn dài hạn) cấp điện cho khu vực đô thị Phú Riềng, Bù Nho, khu công nghiệp và dân cư phía Đông của huyện Phú Riềng.

+ Trạm 110kV Khu công nghiệp Phú Riềng công suất 63 MVA (định hướng xây dựng mới) cấp điện Khu công nghiệp Phú Riềng và phụ cận.

+ Trạm 110kV Long Hà công suất 2x63 MVA (định hướng đề xuất mới) cấp điện Khu công nghiệp Long Hà, dân cư lân cận và khu vực Bù Nho.

+ Trạm 110kV Long Tân công suất 2x40 MVA (định hướng đề xuất mới) cấp điện cho Khu công nghiệp Long Tân, dân cư lân cận và bổ sung nguồn khu vực Phú Riềng và Bù Nho.

+ Ngoài ra, trên địa bàn huyện có quy hoạch dự án: Nhà máy thủy điện Long Hà công suất 20,1MW bổ sung nguồn cho khu vực phụ tải Huyện.

+ Nhà máy thủy điện Srok Phú Miêng công suất 51 MW cung cấp điện cho lưới điện quốc gia qua trạm công suất 220kV Bình Long 2.

- Lưới điện cao thế:

+ Xây mới tuyến 500kV Krông Buk - Tây Ninh 1.

+ Xây mới tuyến 110kV tiết diện ACSR-240 cấp điện từ Thủy điện Srok Phú Miêng và Thủy điện Long Hà đi các trạm 110kV Long Hà, Long Tân...

+ Xây mới lộ ra 110kV từ trạm 220kV Phước Long (2 mạch) chiều dài 23,4 km; lộ ra 110kV từ trạm 220kV Phước Long (4 mạch) chiều dài 2,55 km và các xuất tuyến 110kV từ trạm 220kV Phước Long dự kiến kết nối mạng vòng 110kV trong và ngoài huyện.

+ Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Phước Long (4 mạch), chiều dài 2,55 km

+ Trạm 110kV Phú Riềng, công suất 2x40 MVA (giai đoạn đầu lắp đặt 01 máy công suất 1x40MVA) và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Phú Riềng, chiều dài 0,05 km.

+ Trạm 110kV Đức Liễu, công suất 2x40 MVA (giai đoạn đầu lắp đặt 01 máy công suất 1x40 MVA) và Đường dây 110kV trạm 110kV Bù Đăng - 110kV Đức Liễu, chiều dài 22.4 km.

+ Đường dây 110kV trạm 110kV Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài, chiều dài 38,2 km

- Lưới trung thế: Sử dụng cấp điện áp chuẩn 22kV cấp điện cho các phụ tải trong khu vực, đối với các xuất tuyến được lấy từ các trạm nguồn 110kV.

+ Đối với khu vực đô thị, công cộng, khu ổn định về quy hoạch, hệ thống lưới trung thế sử dụng cáp ngầm với đặc tính chống thấm dọc, tiết diện dây dẫn XLPE-240 đi trong các tuynel hoặc hào kỹ thuật. Khi xây dựng đồng bộ hóa với hạ tầng khu vực, tránh đầu tư nhiều lần, gây lãng phí và mất mỹ quan đô thị. Kết cấu lưới trung thế khu vực tuân thủ nguyên tắc xây dựng mạch vòng kín vận hành hở và có liên kết, hỗ trợ nhau. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 70% công suất, để đảm bảo dự phòng vận hành.

+ Đối với các khu công nghiệp, khu vực nông thôn sử dụng hệ thống lưới trung thế đi nổi trên cột bê tông ly tâm. Kết cấu lưới phải đảm bảo cấp điện ổn định để phục vụ tốt nhu cầu sản xuất.

- Lưới điện và trạm hạ thế:

+ Trong các khu dân cư, đô thị xây mới nên sử dụng trạm kín kiểu xây hoặc hợp bộ để đảm bảo mỹ quan đô thị. Quy mô chiếm đất các trạm trong khoảng 20-40m², đặt tại các vị trí cây xanh và trong các công trình có phụ tải lớn.

+ Hệ thống điện hạ thế thống nhất sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha 04 dây trung tính nối đất trực tiếp. Với khu trung tâm, lưới điện hạ thế phải đi ngầm. Vùng ngoại thị hoặc khu chưa ổn định về quy hoạch có thể đi nổi bằng cáp vện xoắn.

+ Lưới điện hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300m trong đô thị, không quá 500m phạm vi ngoài đô thị nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép.

+ Đối với các khu vực được quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp; các tuyến đường mở rộng và xây dựng mới đề nghị quy hoạch hệ thống điện để cấp điện cho phụ tải; Khi quy hoạch đường điện đi dọc theo các tuyến đường mở rộng và xây dựng mới trong các giai đoạn quy hoạch cấp dưới hoặc lập dự án cần phải lưu ý đến phần không gian, phần đất (hành lang cách ly) theo quy chuẩn ngành điện để đảm bảo hành lang an toàn lưới điện đối với các cấp điện cao thế và trung thế.

đ) Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

- Nhu cầu thông tin liên lạc (gồm thoại và internet) đến năm 2040 (làm tròn): 106.500 -109.000 lines.

- Nguồn: Nâng cấp các host Phú Riềng và Bù Nho. Xây dựng mới các host Phú Trung, Long Hà, Long Tân, Long Bình, Bình Tân, Phước Tân.

- Nâng cấp trung tâm chuyển mạch chính để phù hợp với sự phát triển. Xây mới các trạm vệ tinh tại các khu dân cư mới. Dự kiến xây mới 02 trạm vệ tinh, cải tạo và nâng công suất trạm tổng đài hiện có với tổng công suất các trạm là 105.000 lines. Các tổng đài được nối với nhau theo dạng lưới. Xây dựng các chuyển mạch mới với công nghệ cao.

- Mạng ngoại vi: Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ. Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể chôn trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Các cống bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hóa về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

- Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng đặt dọc theo trục đường, các khu đô thị nhằm nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị. Sử dụng loại trạm BTS đa năng nhỏ gọn, thân thiện với môi trường đảm bảo cảnh quan đô thị. Triển khai hệ thống thông tin mạng di động thế hệ mới (5G,...) để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tốc độ truy nhập mạng, độ phủ sóng rộng.



- Mạng internet: Mạng Internet khu vực sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Đặc biệt khu vực dịch vụ cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

- Bưu chính: Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số, trong đó chú trọng các dịch vụ liên quan đến chính quyền điện tử và các dịch vụ mang tính hỗ trợ/logistics cho thương mại điện tử.

e) Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

** Thu gom và xử lý nước thải:*

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt đến 2040 khoảng $36.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Dự kiến quy hoạch mới các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung các khu vực đô thị:

+ Trạm Phú Riềng công suất $2.500 - 3.500\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ phục vụ khu vực đô thị Phú Riềng và khu vực lân cận.

+ Trạm Bù Nho (2-3 trạm) tổng công suất $2.500 - 3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ phục vụ khu vực đô thị Bù Nho.

- Khu vực nông thôn nước thải xử lý phân tán, nước thải xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trong các công trình sau đó được thoát chung với hệ thống nước mưa, tận dụng các nguồn nước mặt như kênh, mương, ao, hồ để xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên.

- Thu gom và xử lý nước thải y tế: Nước thải y tế phải được xử lý đảm bảo quy định trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các khu công nghiệp và cụm công nghiệp bắt buộc xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra hệ thống thoát chung. Các khu vực công nghiệp xây dựng các trạm xử lý cục bộ trong dự án.

** Thu gom và quản lý chất thải rắn:*

- Dự kiến đến năm 2030: 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 80% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Về dài hạn 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý (tận thu, tái sử dụng, tái chế và xử lý bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của huyện). Tỷ lệ chôn lấp tối đa 15 - 20%.

- Mỗi khu vực đô thị bố trí một trạm trung chuyển chất thải rắn. Trạm trung chuyển có quy mô khoảng $500 - 1.000\text{m}^2$, cần có đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Khu vực nông thôn mỗi xã xây dựng một trạm trung chuyển cỡ nhỏ $100 - 200\text{m}^2$.

- Giai đoạn đầu tiếp tục cải tạo sử dụng các khu chôn lấp hiện có.

- Đầu tư xây dựng mới khu xử lý chất thải rắn Bình Tân quy mô 36,5ha (khu xử lý cấp liên vùng huyện) với các công nghệ hiện đại và hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp.

- Chất thải rắn công nghiệp nguy hại đưa về khu xử lý nguy hại theo chủ trương của tỉnh.

** Quản lý nghĩa trang:*

- Đối với các nghĩa trang hiện có, sẽ tiến hành lập quy hoạch xây dựng lại đảm bảo đúng các quy định, quy phạm hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang đồng bộ, từng bước áp dụng các công nghệ táng hiện đại.

- Nghĩa trang quy hoạch mới và mở rộng:

+ Khu vực đô thị Phú Riềng và Bù Nho giai đoạn ngắn hạn đầu tư xây dựng khu nghĩa trang tập trung hai đô thị quy mô khoảng 10ha (sử dụng đến 2030).

+ Về dài hạn khu vực nghiên cứu sẽ sử dụng sử dụng công viên nghĩa trang tập trung quy mô 100ha (quy mô nghĩa trang cấp vùng tại xã Bình Sơn).

11. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên. Khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, kiểm soát hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ quỹ rừng, các hệ sinh thái đặc trưng.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn...

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung, khu khai thác khoáng sản...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

12. Giải pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Trên địa bàn huyện có 03 khu vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (theo Quy hoạch tỉnh) và một số khu vực khoáng sản đã được thể hiện cụ thể trên bản đồ định hướng của đồ án. Tập trung khai thác, chế biến sâu các sản phẩm mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế. Đối với nhu cầu sử dụng đất công trình phụ trợ mỏ, quy mô mỏ thực hiện điều chỉnh để cấp phép theo thẩm quyền và quy định của pháp

luật hiện hành; cấp phép khai thác, quản lý khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng phù hợp với nhu cầu địa phương và quy định của pháp luật.

- Trên địa bàn huyện Phú Riềng có quy hoạch khoáng sản dự trữ và khoáng sản bột-xít được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023.

13. Các dự án ưu tiên đầu tư

Các chương trình, dự án ưu tiên gồm các nhóm dự án: Trụ sở cơ quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện Phú Riềng: Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước theo quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch triển khai quy hoạch, các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đảm bảo tính khả thi và phù hợp nguồn lực đầu tư của địa phương theo quy định; chịu trách nhiệm rà soát, cập nhật các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chung đô thị, các dự án trên địa bàn huyện và tính chính xác của số liệu, các cơ sở dữ liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Giao các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý; phối hợp với UBND huyện Phú Riềng tổ chức quản lý, thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch, đầu tư, xây dựng và các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU; TT. HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT. (Trung17)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng
huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số 941 ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý, phát triển, quy hoạch xây dựng đô thị, các khu vực nông thôn, các ngành sản xuất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn huyện phải thực hiện theo đúng Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản viện dẫn được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và thực hiện

1. UBND huyện Phú Riềng thực hiện quyền quản lý nhà nước về xây dựng vùng huyện Phú Riềng dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn chuyên môn của Sở Xây dựng.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị huyện Phú Riềng giúp UBND huyện Phú Riềng thực hiện nhiệm vụ trên theo chức năng và quyền hạn được giao.

Điều 3. Mục tiêu, tính chất

1. Mục tiêu

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Phước, Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Phân bố không gian xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn... trong đó xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới.



- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các Chương trình, Kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

2. Tính chất

- Là vùng phát triển phía Đông của tỉnh Bình Phước với trục động lực chính là Đồng Xoài - Bù Gia Mập. Là vùng đệm cho tam giác phát triển Đồng Xoài - Đồng Phú - Chơn Thành, có vai trò giảm các áp lực về đô thị, môi trường, giữ gìn các không gian xanh, quỹ đất dự trữ.

- Là vùng phát triển công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi theo mô hình công nghệ khép kín.

- Là đầu mối giao thông quan trọng kết nối với các huyện trong tỉnh và các khu vực ngoài tỉnh.

Điều 4. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch

- Phạm vi quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (gồm 10 đơn vị hành chính cấp xã), với diện tích: 67.376,42ha.

- Giai đoạn lập quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2030; dài hạn đến 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

Điều 5. Phân vùng chức năng

1. Phân vùng phát triển công nghiệp (PV1): Là khu vực phát triển công nghiệp và nông nghiệp, du lịch của huyện gắn với ĐT.757 kết nối với QL.13B, cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư, diện tích khoảng 16.838,2ha.

2. Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Tây Bắc (PV2): Là các khu vực nông thôn và vùng trồng cây lâu năm (cây cao su và cây Điều). Trong tương lai phát triển các tuyến đường liên xã kết nối với hệ thống đường huyện tạo thuận lợi cho phát triển du lịch và lưu thông hàng hóa, diện tích khoảng 413.882,95 ha.

3. Phân vùng phát triển cây công nghiệp phía Đông Bắc (PV3): Là các khu vực nông thôn và vùng trồng cây lâu năm (cây Cao su và cây Điều), diện tích khoảng 20.557,75 ha.

4. Phân vùng phát triển khu hành chính trung tâm (PV4): Là vùng phát triển đô thị Bù Nho - đô thị huyện lỵ của huyện Phú Riềng, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện và đô thị Phú Riềng gắn với Khu công nghiệp Phú Riềng, Cụm công nghiệp Phú Riềng, diện tích khoảng 8.470,63 ha.

Điều 6: Hệ thống các đô thị và điểm dân cư nông thôn

1. Đến năm 2030: Huyện Phú Riềng có 02 đô thị và 08 xã

- Hoàn thành nâng cấp xã Bù Nho thành thị trấn Bù Nho (hoàn thành công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V và thành lập thị trấn Bù Nho).

- Hoàn thành nâng cấp khu vực quy hoạch xã Phú Riềng thành thị trấn Phú Riềng, đạt đô thị loại V (sau năm 2025 thành lập thị trấn Phú Riềng trên cơ sở khu vực quy hoạch chung đô thị Phú Riềng đã được UBND tỉnh phê duyệt).

2. Đến năm 2040: Huyện Phú Riềng có 02 đô thị và 08 xã phát triển theo mô hình nông thôn mới nâng cao.

3. Tính chất, vai trò các đô thị và điểm dân cư nông thôn

- Đô thị Bù Nho: Là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, kinh tế và xã hội huyện Phú Riềng. Là đô thị dịch vụ gắn với đô thị Phú Riềng đã có để phát triển mở rộng không gian đô thị của huyện Phú Riềng. Ưu tiên phát triển công nghiệp và các dự án nông nghiệp công nghệ cao.

- Đô thị Phú Riềng: Là trung tâm tiểu vùng phía Nam của huyện, trung tâm y tế, giáo dục, văn hóa - thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ và an ninh, quốc phòng của huyện Phú Riềng. Là trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp, đầu mối giao thông của huyện Phú Riềng.

- Tại các xã, quy hoạch xây dựng khu trung tâm xã với quy mô mỗi trung tâm xã từ 2.000 - 3.000 dân, phát triển theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phát triển vùng

Bảng 1. Dự báo dân số, tỷ lệ đô thị hóa

Hạng mục	Đơn vị	Năm 2030	Năm 2040	Năm 2050
Dân số đô thị	Người	46.000 - 50.000	62.000 - 66.000	71.400 - 75.400
Dân số nông thôn và dân số nông thôn trong vùng đô thị hóa	Người	72.500	85.500	98.100
Tỷ lệ đô thị hóa	%	31,1%	42,03-48%	42,12 - 48,33%
Tổng cộng	Người	118.500 - 122.500	147.500 - 151.500	169.500 - 173.500



Bảng 2. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Quy hoạch năm 2030	Quy hoạch năm 2040
1	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị	m ² /người	200 -240	180 - 265
2	Loại đô thị	Loại		
	Đô thị Phú Riềng		V	V
	Đô thị Bù Nho		V	V
3	Chỉ tiêu nhà ở trung bình	m ² sàn/người	15 - 25	20 - 30
4	Chỉ tiêu cấp điện			
	Các đô thị	KW/người	330	500
	Các điểm dân cư nông thôn	KW/người	160	230
	Công nghiệp	kw/ha	50 - 350	50 - 350
	Công cộng-Dịch vụ	kw/ha	80 - 100	80 - 200
5	Chỉ tiêu cấp nước	100% dân số được cấp nước		
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	Các đô thị		120	150
	Các điểm dân cư nông thôn		80	100
	Công nghiệp	m ³ /ha.ngày.đêm	25 - 45	25 - 45
	Du lịch	m ³ /ha.ngày.đêm	5 - 10	5 - 10
	Công cộng	%Qsh	10	10
6	Chỉ tiêu thải nước	Thu gom 80% nước thải SH, 100% nước thải công nghiệp		
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	Các đô thị		120	150
	Các điểm dân cư nông thôn		80	100
	Công nghiệp	m ³ /ha.ngày.đêm	25 - 45	25 - 45
	Du lịch	m ³ /ha.ngày.đêm	5 - 10	5 - 10
	Công cộng	%Qsh	10	10

STT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Quy hoạch	Quy hoạch
7	Chỉ tiêu cây xanh đô thị			
	Các đô thị	m ² /người	4	4
	Các điểm dân cư nông thôn	m ² /người	> 2	> 2
8	Chỉ tiêu đất giao thông			
	Các đô thị	%	20 - 22	22 - 25

Điều 8. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng

1. Hạ tầng xã hội

- Đảm bảo đủ các loại hình dịch vụ phục vụ nhu cầu thiết yếu cho Nhân dân trong vùng.

- Hoàn thiện trung tâm chính trị, hành chính huyện Phú Riềng tại khu vực quy hoạch đô thị Bù Nho; xây dựng mới các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng; xây dựng mới các công trình quản lý cấp huyện về hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, điện, nước.

- Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục phổ thông theo tiêu chuẩn, quy phạm, chất lượng cao, kết hợp xây dựng mới và cải tạo chỉnh trang các cơ sở hiện hữu. Quy hoạch mới vị trí, quy mô diện tích các trường sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch nông thôn hoặc quy hoạch đô thị các thị trấn.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị y tế, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương. Xây dựng Trung tâm y tế huyện Phú Riềng với quy mô từ 50 đến 100 giường bệnh.

- Phát triển hệ thống cây xanh kết hợp công viên bố trí tập trung thành từng mảng lớn, bố trí cây xanh trong các khu dân cư, cây xanh cách ly, cây xanh dọc sông, suối, hồ, đập...

- Ưu tiên phát triển du lịch cộng đồng, lễ hội kết hợp với các sản phẩm, đặc sản của địa phương, dịch vụ - du lịch, du lịch sinh thái cảnh quan tại khu vực các hồ; các xã Phước Tân, Long Hưng, Bình Tân, Long Bình và Bình Sơn.

2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng cao độ nền và thoát nước mặt

▪ Cao độ nền xây dựng

Cao độ xây dựng khu vực dân cư hiện hữu và các dự án đã được phê duyệt hoặc đang triển khai trên địa bàn: Vẫn giữ nguyên cao độ theo thiết kế (nếu vẫn còn phù hợp).

Cao độ các khu vực xây dựng ven sông suối, hồ đập thì cao độ xây dựng xác định như sau: $H_{xd} (\text{cao độ xây dựng}) \geq \text{Mức nước lớn nhất (trong nhiều năm)} + a$ (hệ số an toàn $a = 0,5\text{m} \div 1,0\text{m}$).

Cao độ xây dựng các khu vực còn lại chủ yếu có nền địa hình cao và dốc thoải thì cao độ xây dựng bám sát theo nền địa hình tự nhiên, chỉ san gạt nhẹ tạo mặt bằng xây dựng nhằm đảm bảo an toàn cân bằng đào đắp tại chỗ.

▪ *Thoát nước mặt*

Trục tiêu: Việc tiêu thoát nước vùng huyện Phú Riềng phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống sông, suối tự nhiên và hồ đập điều tiết nước. Như sông Bé, các suối phụ lưu sông Bé: suối Rạt, suối Mum, Đắc Đam, suối Dơi... và hơn 20 hồ, bầu trữ nước.

Hệ thống: lựa chọn hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải.

Mạng lưới: Sử dụng cống tròn hoặc rãnh thoát nước mưa dọc theo các trục giao thông trên địa bàn khu vực xây dựng đô thị tập trung hoặc khu dân cư, sử dụng mương đón nước từ sườn đồi xuống khu vực xây dựng dưới chân đồi (phòng chống úng ngập cho khu vực xây dựng).

Hướng thoát: theo mạng lưới đường cống, ra các suối, hồ, bầu bung... gần nhất.

Lưu vực: toàn đô thị được chia làm 04 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực 1: gồm toàn bộ các xã thuộc vùng Tây Bắc huyện (như xã Long Bình, Bình Sơn, Bình Tân, Long Hưng, Long Hà) hướng thoát về các hồ, suối nhỏ gần nhất là phụ lưu của sông Bé (suối Dơi, suối Rạt, Đắc Đam...) để ra sông Bé.
- Lưu vực 2: gồm toàn bộ khu vực đô thị Phú Riềng và vùng lân cận như xã Long Tân, Bù Nho và một phần xã Phước Tân, hướng thoát về các hồ, suối Rạt, suối Đê để ra sông Bé.
- Lưu vực 3: gồm toàn bộ phía Đông Bắc xã Phước Tân (quanh hồ Thác Mơ), hướng thoát về hồ Thác Mơ và cũng dẫn ra sông Bé tại thị xã Phước Long.
- Lưu vực 4: gồm một phần diện tích Đô thị Phú Riềng và xã Phú Trung, thoát về suối Bàng và suối Tung để dẫn ra sông Bàng phía Nam huyện tại huyện Đồng Phú.

b) Quy hoạch giao thông

▪ *Quốc lộ*: QL.13B nâng cấp từ ĐT.741, tuyến đường theo hướng Bắc - Nam chạy qua trung tâm huyện kết nối thành phố Đồng Xoài với thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 21km, đạt tiêu chuẩn đường cấp II, quy mô 4-6 làn xe.

▪ *Đường tỉnh*

- ĐT.759: Tuyến đường phía Đông huyện chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối từ QL.14 đến huyện Bù Gia Mập. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.757: Tuyến đường chạy theo hướng Đông - Tây kết nối từ xã Bù Nho đến xã Thanh An. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 27,98 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.757B (Long Hà - Tân Thành): Tuyến đường chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối từ ĐT.757 đến ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.753B (Phú Riềng - Bù Na - Nam Cát Tiên): Tuyến đường được nâng cấp từ ĐH.312 kết nối trung tâm Phú Riềng và QL.14; đoạn tuyến ĐT.753B xây dựng mới theo hướng Tây từ trung tâm Phú Riềng kết nối với ĐT. Tân Hưng - Long Tân. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện Phú Riềng có chiều dài khoảng 31,9 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT.754: Tuyến đường kết nối từ Ngã Ba Đồng Tâm (QL.13) - thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 16,5km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Bù Nho - Đa Kia: tuyến đường kết nối Bù Nho - Đa Kia. Quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Long Tân - Tân Hưng: quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Long Tân - Minh Lập: quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 10,0 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

- ĐT. Minh Lập - Bù Nho: quy hoạch đoạn tuyến qua huyện có chiều dài khoảng 13,0 km, đạt tiêu chuẩn cấp III, quy mô 4-6 làn xe.

▪ Đường huyện

- ĐH. Long Hưng - Phước Bình: chạy theo hướng Đông - Tây kết nối từ ĐT.757B đến thị xã Phước Long. Quy hoạch đoạn tuyến dài khoảng 16,5km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Phú Riềng - Phước Tín: chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối ĐT.753B và ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 14,7 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Thác Bà - Phước Tín: chạy theo hướng Bắc - Nam kết nối ĐT.759 đến xã Phước Tín. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 6,08 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- ĐH. Hiếu Bình - Phước Quả: kết nối ĐT.741 và ĐT.759. Quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 9,09 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe.

- Xây dựng các tuyến đường huyện mới đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, quy mô 02 làn xe, cụ thể:

+ ĐH. Bình Tân - Thác Bà: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 4,85 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Phước Tân: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 10,06 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bình Tân - Phước Tân: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 11,03 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Bình - ĐaKia: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 20,8 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Hưng - ĐaKia: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 9,15 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Long Tân: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 7,52 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Bù Nho - Phú Riềng: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 3,3 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ ĐH. Long Hà - Long Tân: quy hoạch đoạn tuyến có chiều dài khoảng 17,26 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m.

+ Xây dựng đường tránh Trung tâm xã Phú Riềng có chiều dài khoảng 6,85 km, đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, quy mô 02 làn xe, lộ giới 32m

+ Xây dựng mới các trục kết nối Bắc - Nam, Đông - Tây kết nối các khu vực trong huyện đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV, quy mô 02 làn xe.

▪ *Hệ thống đường giao thông nông thôn:*

- Đường giao thông nông thôn bao gồm hệ thống đường huyện và đường xã, liên xã. Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Bình Phước. Mở thêm các tuyến giao thông nông thôn ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030 đảm bảo 100% giao thông nông thôn được cứng hóa. Hệ thống đường huyện tối thiểu đạt cấp IV, quy mô 02 làn xe. Đường xã, liên xã tối thiểu đạt loại A tiêu chuẩn giao thông nông thôn.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện mạng lưới giao thông nông thôn theo các đồ án quy hoạch nông thôn mới được duyệt.

▪ *Hệ thống giao thông đô thị:*

- Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

- Quy hoạch xây mới, cải tạo mở rộng các tuyến kết nối hệ thống đường trục Đông - Tây, Bắc - Nam ở trung tâm đô thị. Xây dựng các trục giao thông đối ngoại, các trục chính đô thị, mạng lưới đường gom và đường nội bộ.

- Đầu tư xây dựng các trục đường công nghiệp theo quy hoạch được đảm bảo kết nối tốt với mạng lưới giao thông của huyện.

- Xây dựng mới và cải tạo các nút giao thông, trong đó các nút giao thông chính được lắp đèn tín hiệu điều khiển giao thông.

▪ *Công trình phục vụ giao thông:*

- Bến xe: xây dựng bến xe Phú Riềng kết hợp trạm dừng nghỉ (nằm trên đường ĐT.741 thuộc xã Bù Nho): Phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định liên tỉnh, nội tỉnh. Bến xe đạt tiêu chuẩn loại V, quy mô khoảng 2,35ha.

- Giao thông công cộng: Định hướng phát triển giao thông công cộng bằng phương tiện xe buýt là chủ yếu.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản trị và cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng; lấy nhân lực và công nghệ làm cơ sở chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các ngành vận tải.

- Khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ vận tải công cộng có chất lượng cao, hạn chế sử dụng phương tiện vận tải cá nhân.

- Đề xuất hệ thống giao thông công cộng gồm hệ thống xe buýt và xe taxi. Mạng lưới này sẽ được cụ thể hóa trong các đồ án chuyên ngành.

c) Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước năm 2040 = 41.000 - 43.000 m³/ngày đêm.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt dân cư từ 80 - 120 lít/người/ngày đêm; Công nghiệp tập trung 20 m³/ha.

- Nguồn nước mặt: Sông Bé, Hồ thủy điện Thác Mơ, và các hồ lớn trong huyện (hồ Long Tân, hồ Long Hà) là nguồn nước mặt quan trọng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân của huyện cũng như vùng hạ lưu.

▪ *Giải pháp định hướng cấp nước*

- Tiếp tục sử dụng nước từ nhà máy nước Đồng Xoài, công suất 30.000 m³/ngày.đêm kết hợp với Nhà máy nước Phước Long công suất 61.500 m³/ngày.đêm.

- Duy trì và nâng công suất các dự án nhà máy cấp nước hiện hữu trên địa bàn huyện theo đúng lộ trình để cấp nước kịp thời cho công nghiệp và sinh hoạt trước khi tiếp nhận nước từ các nhà máy cấp nước liên vùng:

+ Nhà máy nước Phú Riềng cấp cho khu vực trung tâm Huyện. Trạm cấp nước Long Hà cấp cho khu vực dân cư xã Long Hà. Trạm cấp nước Long Tân cấp cho khu vực dân cư xã Long Tân. Các khu vực dọc đường QL.13B được cấp từ Nhà máy nước Đồng Xoài.

+ Các khu vực dân cư nông thôn phân tán còn lại sử dụng bằng hình thức cấp nước cục bộ khai thác nguồn nước ngầm, nước mặt.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Phát triển mở rộng các tuyến ống liên kết khu vực hiện hữu về hướng QL.13B về thị xã Phước Long và thành phố Đồng Xoài, sử dụng nước từ Nhà máy

nước Đồng Xoài và Nhà máy nước Phước Long để cung cấp nước cho toàn bộ huyện Phú Riềng, đặc biệt là các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp trên địa bàn.

+ Khi các tuyến ống truyền tải cấp nước chính được đầu tư, sẽ hình thành các khu vực cấp nước liên huyện Phú Riềng - Đồng Phú - Đồng Xoài, các nhà máy trong cùng một khu vực có thể bổ sung cho nhau nếu một nhà máy gặp sự cố, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục.

- Khu vực nông thôn:

+ Hạn chế khai thác nguồn nước ngầm, cần quan tâm ưu tiên khai thác nước mặt.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 100%.

- Các khu đô thị: khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có, mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước phù hợp với sự phát triển của các đô thị trong giai đoạn đầu và có định hướng cho giai đoạn sau. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 100%.

- Khu, cụm công nghiệp: tùy theo điều kiện thực tế của từng khu, sẽ thực hiện đầu nối với các nhà máy cấp nước tập trung hiện có hoặc đầu tư xây dựng mới theo quy hoạch.

▪ *Giải pháp về bảo vệ nguồn nước và các công trình đầu mối cấp nước*

- Các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

- Khoảng cách quy định khu vực bảo vệ nguồn nước: Thực hiện theo Quy định quản lý này và pháp luật có liên quan.

- Lập kế hoạch ngăn ngừa và chuẩn bị phương án cụ thể để giải quyết sự cố môi trường xảy ra. Tăng cường tiềm lực bao gồm về con người, phương tiện kỹ thuật và biện pháp thực hiện để bảo vệ nguồn nước. Triển khai có hiệu quả kế hoạch hành động nhằm phòng chống hiện tượng sạt lở ven bờ sông, các tác động xấu do lũ lụt, hạn hán...

- Nước thải sinh hoạt, công nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra bên ngoài môi trường.

d) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

▪ *Định hướng quy hoạch thoát nước thải*

- Thoát nước thải sinh hoạt đô thị:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước riêng giữa nước mưa và nước thải để thu gom nước thải về khu xử lý theo quy mô từng đô thị.

+ Nước thải các trung tâm y tế cần phải được xử lý đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế và khử trùng trước khi xả ra sông rạch hoặc vào hệ thống cống của đô thị.



+ Nước thải sinh hoạt tại các đô thị phải được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn.

+ Nước thải từ các khu vệ sinh trong các khu dân cư, các công trình công cộng nhất thiết phải được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại và phải được thu gom bằng đường cống riêng thoát ra hệ thống cống của đô thị.

- Thoát nước thải các khu, cụm công nghiệp, y tế:

+ Xây dựng hệ thống nước thải riêng (nước mưa riêng), xây dựng trạm xử lý nước thải cho các khu Công nghiệp tập trung trong từng dự án. Nước thải ở các khu công nghiệp tập trung phải được xử lý đạt tiêu chuẩn mới được xả thải ra môi trường. Nước thải của các cụm công nghiệp, nhà máy có mức độ độc hại cao cần phải được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xử lý tập trung.

+ Nước thải y tế phải xử lý cục bộ bằng trạm làm sạch riêng và khử trùng trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị.

+ Nghiêm cấm các hành vi xả thải ra môi trường không qua xử lý.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn:

+ Các cụm dân cư nông thôn tập trung: nước thải sinh hoạt thoát chung với hệ thống thoát nước mưa. Các công trình bắt buộc phải có bể tự hoại 03 ngăn tiêu chuẩn.

+ Các cụm dân cư sống phân tán: Vận động Nhân dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước hợp vệ sinh.

+ Cần phải thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông, suối, thanh thải dòng chảy qua các khu dân cư để thoát nước được dễ dàng.

+ Các khu chăn nuôi tập trung bắt buộc xây dựng hệ thống thu nước, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

▪ *Quản lý chất thải rắn*

- Khuyến khích phân loại rác tại nguồn. Chất thải rắn phải được thu gom trong ngày bằng xe chuyên dùng đưa đến điểm trung chuyển chất thải rắn nằm trong khu quy hoạch và vận chuyển đến khu xử lý rác tập trung của khu vực để xử lý.

- Ngoài ô đô thị, trung tâm mỗi xã, thị trấn quy hoạch bố trí tối thiểu 01 trạm trung chuyển rác, đảm bảo thực hiện thu gom và xử lý đúng quy định.

▪ *Nghĩa trang*

- Giai đoạn 2025-2030: Sử dụng hết quỹ đất các nghĩa trang nhân dân hiện hữu tại các xã và quy hoạch chỉnh trang, đồng thời xây dựng kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang rải rác nhỏ lẻ. Khu vực đô thị Phú Riềng và đô thị Bù Nho giai đoạn ngắn hạn đầu tư xây dựng khu nghĩa trang tập trung 02 đô thị quy mô khoảng 10ha.

- Giai đoạn 2030-2040: sử dụng nghĩa trang nhân dân liên vùng tại xã Bình Sơn và tiếp tục sử dụng nghĩa trang liên đô thị Phú Riềng - Bù Nho.

- Kiến nghị xây dựng lò hỏa táng tại nghĩa trang nhân dân liên vùng tại xã Bình Sơn để giảm tải nhu cầu chôn cất cho vùng huyện.

đ) Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc

Hiện nay huyện Phú Riềng được cấp điện từ trạm biến áp 110kV Phú Riềng; 110KV Phước Long, trạm 110kV Đồng Xoài thông qua các tuyến 22kV đi trên các đường chính như QL13B. Định hướng xây dựng mới và cải tạo các công trình nguồn trên địa bàn:

- Trạm 220kV Phước Long 2x250MVA (theo quy hoạch điện lực dự kiến tương lai nâng cấp 3x250MVA). Đã vận hành tháng 12/2024 công suất 1x250MVA.

- Trạm 110kV Phước Long 2x63MVA (theo quy hoạch điện lực có điều chỉnh nâng công suất phù hợp giai đoạn dài hạn) cấp điện khu vực phía Bắc và TX Phước Long.

- Trạm 110kV Phú Riềng (1x40+1x63)MVA (theo dự án và quy hoạch điện lực có điều chỉnh công suất phù hợp giai đoạn dài hạn) cấp điện cho khu vực đô thị Phú Riềng, Bù Nho khu công nghiệp và dân cư phía Đông Phú Riềng.

- Trạm 110kV KCN Phú Riềng 1x63MVA (định hướng đề xuất mới) cấp điện khu công nghiệp Phú Riềng .

- Trạm 110kV Long Hà 1x63MVA (định hướng đề xuất mới) cấp điện khu vực công nghiệp Long Hà , dân cư lân cận và khu vực Bù Nho.

- Trạm 110kV Long Tân 1x63MVA (định hướng đề xuất mới) cấp điện cho khu vực công nghiệp Long Tân, dân cư lân cận và bổ sung nguồn khu vực Phú Riềng và Bù Nho.

- Ngoài ra, trên địa bàn huyện có dự án thủy điện: Nhà máy thủy điện Long Hà 20,1MW bổ sung nguồn cho khu vực phụ tải Huyện.

- Nhà máy thủy điện Srok Phú Miêng 51MW cung cấp điện cho lưới điện quốc gia

- Xây dựng hệ thống thông tin liên lạc: đảm bảo phục vụ cho vùng, các đường dây thông tin liên lạc trong các khu xây dựng mới phải đặt ngầm, từng bước ngầm hóa đường dây trên không hiện hữu.

e) Quy định về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - thiên nhiên, lịch sử... phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý ô nhiễm môi trường đảm bảo an toàn cho nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng.

- Xây dựng Quy chế quản lý và bảo vệ môi trường vùng, có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn...

- Trong giai đoạn triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án thuộc quy hoạch đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đặc biệt chú ý đến các dự án lớn như khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị, dự án du lịch sinh thái, các dự án cơ sở hạ tầng chính (giao thông; khu xử lý rác, cấp thoát nước).

- Về các giải pháp kỹ thuật để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu:

+ Trên cơ sở Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành, địa phương.

+ Thực hiện tốt phương án quy hoạch, bảo tồn nghiêm ngặt các khu bảo tồn sinh thái gia giúp tăng khả năng thoát nước, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu.

+ Có các biện pháp chuẩn bị kỹ thuật, tạo hành lang cây xanh cách ly đối với các khu đô thị, ven sông, ven khu vực có khả năng xảy ra lũ quét, lũ ống hoặc sạt lở đất.

f) Bảo vệ môi trường sinh thái

- Khai thác sử dụng hợp lý có hiệu quả đất đai và nguồn lực tự nhiên.

- Khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước hợp lý, kiểm soát hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.

- Bảo vệ hệ sinh thái, tăng cường các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để giải quyết hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo xử lý theo quy định.

Điều 10. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan khi triển khai phải thực hiện theo đúng các quy định hiện hành và theo các nội dung trong bản quy định này./.

